

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 166 /QĐ-CĐPD ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng)*

Tên ngành/nghề:	Điều dưỡng
Mã ngành/nghề:	6720301
Trình độ đào tạo :	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng có phẩm chất chính trị; có kỹ năng nghề nghiệp; có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cộng đồng cao; có thể lực và trí lực; có kỹ năng giao tiếp và năng lực hội nhập; có thái độ đúng đắn, có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh và phục hồi sức khỏe nhân dân, có khả năng tham gia tổ chức quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và thực hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Điều dưỡng, có cơ hội đảm nhận công tác điều dưỡng tại các Bệnh viện, các trung tâm y tế, các trạm y tế xã phường và các đơn vị, dịch vụ khám chữa bệnh... Tham gia các chương trình du học về lĩnh vực Điều dưỡng tại các nước như Nhật Bản, Đức..., học liên thông lên bậc cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức:

- Hiểu biết về kiến thức tổng quát, mô tả và giải thích được các đặc điểm về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;

- Áp dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng trong cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Giải thích được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người;

- Hiểu được tâm lý người bệnh và người nhà người bệnh trong quá trình giao tiếp;

- Hiểu rõ 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam trong công việc chăm sóc người bệnh, quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng.

- Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng.

1.2.2 Kỹ năng:

a. Kỹ năng cứng:

- Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh toàn diện và trực tiếp thực hiện kế hoạch chăm sóc theo đúng quy trình chuyên môn

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa; phối hợp với bác sỹ và các nhân viên y tế khác trong chăm sóc điều trị người bệnh;

- Phối hợp và tham gia thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe cộng đồng, đảm bảo an toàn chung;

- Thực hiện được việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp bệnh nặng, tai nạn;

- Theo dõi, đánh giá toàn trạng và ghi chép hàng ngày những diễn biến bất của người bệnh, đặc biệt những bệnh nặng và cấp cứu; phát hiện báo cáo kịp thời các diễn biến bất thường của người bệnh để bác sỹ xử lý;

- Tiếp đón người bệnh đến khám, vào viện, ra viện, chuyển khoa, chuyển viện và thực hiện các quy định khi người bệnh tử vong;

- Dự trữ và chuẩn bị đúng đầy đủ, kịp thời các trang thiết bị dụng cụ y tế, thuốc, hồ sơ bệnh án cho công tác khám, điều trị và chăm sóc;

- Vận hành, sử dụng thành thạo, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện máy móc trang thiết bị được phân công; phát hiện hỏng hóc và đề xuất phương án xử lý kịp thời;

- Có kỹ năng sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;

- Tổ chức giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình, nhóm người và cộng đồng. Đôn đốc nhắc nhở người bệnh, người nhà giữ gìn trật tự vệ sinh ngăn nắp tại cơ sở y tế

- Tham gia tổ chức và huấn luyện cán bộ điều dưỡng có trình độ trung cấp và các nhân viên y tế khác, tham gia các khóa đào tạo liên tục;

- Thực hiện chuẩn năng lực thực hành theo quy định 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam.

- Thực hiện các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy trình kỹ thuật của ngành y tế và các quy định của pháp luật liên quan đến ngành y tế;

b. Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt với người bệnh, thân nhân người bệnh, với đồng nghiệp;

- Có kỹ năng tư vấn – giáo dục sức khỏe cho người bệnh;

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong quá trình làm việc;

- Kỹ năng tự học tự nghiên cứu để thường xuyên cập nhật kiến thức phục vụ cho công tác chăm sóc;

- Kỹ năng quản lý: Quản lý tốt bản thân quản lý thời gian và quản lý nhân lực

- Kỹ năng chịu áp lực công việc;

- Tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực điều dưỡng cũng như các sáng kiến cải tiến trong công việc ;

- Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh với bệnh nhân là người nước ngoài đến khám và điều trị tại bệnh viện;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3 Thái độ:

- Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cộng đồng cao; có thái độ đúng đắn về ngành nghề;

- Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh;

- Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh;

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Trung thực khi hành nghề;

- Tôn trọng, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;

- Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng có khả năng:

- Đảm nhận công tác điều dưỡng tại các Bệnh viện, các trung tâm y tế, các trạm y tế xã phường và các đơn vị, dịch vụ khám chữa bệnh...

- Tham gia các chương trình du học về lĩnh vực Điều dưỡng tại các nước như Nhật Bản, Đức...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 46

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 95 TC

- Khối lượng các môn học, mô đun chung (đại cương): 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2145 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 779 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1665 giờ;
Kiểm tra: 136 giờ.

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH	Môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MH HT	
				Tổng	Trong đó			
					LT	TH	KT	(stt)
I	Các môn học chung		21	435	172	240	23	
1	MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2	
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4	AV1
5	MH 05	Tin học	3	75	15	58	2	
6	MH 06	Anh văn 1	3	60	29	28	3	
7	MH 07	Anh văn 2	3	60	28	29	3	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề		74	2145	607	1425	113	

TT	Mã MH	Môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MH HT	
				Tổng	Trong đó			
					LT	TH	KT	(stt)
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		29	570	287	252	31	
8	MH08	Giải phẫu – Sinh lý	3	60	28	30	2	
9	MH09	Hóa sinh	2	45	15	28	2	HH-GPSL
10	MH10	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	15	28	2	HS
11	MH11	Sinh lý bệnh	2	45	15	28	2	VSKST
12	MH12	Dược lý	2	30	28	0	2	SLB
13	MH13	Điều dưỡng cơ sở 1	4	90	29	55	6	SLB
14	MH14	Điều dưỡng cơ sở 2	4	90	30	55	5	ĐDCS 1
15	MH15	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	1	15	14	0	1	
16	MH16	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	45	14	28	3	SK-MT
17	MH17	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	29	0	1	SKMTVS
18	MH18	Y đức	1	15	14	0	1	SKMT
19	MH19	Pháp luật và Tổ chức y tế	1	15	14	0	1	YĐ
20	MH20	Sinh học di truyền	2	30	28	0	2	
21	MH21	Điều dưỡng kiểm soát nhiễm khuẩn	1	15	14	0	1	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề		27	720	226	433	61	
22	MH22	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2	DDTC-YĐ
23	MH23	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1	15	14	0	1	CSSKKNK
24	MH24	Thực tập chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1	45	0	40	5	CSSK CC, TC
25	MH25	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	3	45	43	0	2	ĐDKSNK
26	MH26	Thực tập CSSK người lớn bệnh nội khoa 1	2	90	0	80	10	CSSKKNK
27	MH27	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 1	2	30	28	0	2	CSSKNG. K
28	MH28	Thực tập CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa 1	2	90	0	80	10	CSSKPN
29	MH29	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	2	30	28	0	2	CSSKTE

TT	Mã MH	Môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MH HT	
				Tổng	Trong đó		(stt)	
					LT	TH		KT
30	MH30	Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	1	45	0	40	5	CSNK-NG.K
31	MH31	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	1	15	14	0	1	CSSKPN,B M
32	MH32	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1	1	45	0	40	5	CSSKPN,B M
33	MH33	Phục hồi chức năng 1	2	45	15	28	2	CSNK-NG.K
34	MH34	Quản lý điều dưỡng	1	15	14	0	1	CSSKPN
35	MH35	CSSK cộng đồng	2	60	14	45	1	
36	MH36	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	1	15	14	0	1	CSSKKNK
37	MH48	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	1	45	0	40	5	CSSKKNK
38	MH37	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 2	1	15	14	0	1	
39	MH49	Thực tập Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 2	1	45	0	40	5	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn		4	90	34	48	8	CSSKPN,B M
40	MH38	Anh văn chuyên ngành	2	30	20	8	2	AV2
41	MH39	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	15	14	0	1	CSSKPN,B M
42	MH40	Thực tập chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	45	0	40	5	CSNK-NG.K
43	MH41	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	2	60	15	40	5	CSSKTE
44	MH42	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2	2	60	15	40	5	CSSKPN,B M
45	MH43	Phục hồi chức năng 2	2	60	15	40	5	PHCN
46	MH44	Chăm sóc sức khỏe người bệnh mạn tính	1	15	14	0	1	
47	MH45	CSSK NB tâm thần	2	60	14	45	1	
II.4	Thực tập tốt nghiệp và đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa		9	675	10	655	10	
48	MH 46	Thực tập tốt nghiệp	6	540	0	535	5	

TT	Mã MH	Môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MH HT	
				Tổng	Trong đó		(stt)	
					LT	TH		KT
49	MH 47	Đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa	3	135	10	120	5	
II.5	MH 48	Kỹ năng mềm	5	90	50	37	3	
50	MH 50	Anh văn tăng cường	3	60	22	37	1	
51	MH 48	Kỹ năng mềm	2	30	28	0	2	
Tổng			95	2580	779	1665	136	